

LỊCH HỌC THỰC HÀNH KỶ 1 NĂM HỌC 2025-2026
(Từ ngày 01 tháng 12 đến 06 tháng 12 năm 2025)

TT	Hệ	Khóa	Lớp	Học phần/ Môn học	Nhóm	SL HSSV	Tiết học - Phòng học / Tổng số buổi học																		Giáo viên	Đơn vị quản lý học phần							
							Thứ 2			Thứ 3			Thứ 4			Thứ 5			Thứ 6			Thứ 7					CN						
							Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi	Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi			Tiết học	Phòng- Nhà	Buổi học/ Tổng số buổi				
1	DH	18	20251AT6043001	Kết cấu ô tô	CL	21	1-6	404-A10	1/12																				Ngô Quang Tào	TTTTNOT			
2	DH	18	20251AT6043002	Kết cấu ô tô	CL	21	7-12	404-A10	1/12																					Ngô Quang Tào	TTTTNOT		
3	DH	18	20251AT6043003	Kết cấu ô tô	CL	20	13-18	409-A10	1/12																					Lê Đình Mạnh	TTTTNOT		
4	DH	18	20251AT6043004	Kết cấu ô tô	CL	21				1-6	408-A10	1/12																		Nguyễn Thành Vinh	TTTTNOT		
5	DH	18	20251AT6043005	Kết cấu ô tô	CL	22				7-12	408-A10	Dec-15																		Nguyễn Thành Vinh	TTTTNOT		
6	DH	18	20251AT6043006	Kết cấu ô tô	CL	20				13-18	408-A10	Dec-15																		Đoàn Công Thành	TTTTNOT		
7	DH	18	20251AT6043007	Kết cấu ô tô	CL	21							1-6	409-A10	1/12															Nguyễn Tuấn Nghĩa	TTTTNOT		
8	DH	18	20251AT6043008	Kết cấu ô tô	CL	21				7-12	409-A10	1/12																		Nguyễn Tuấn Nghĩa	TTTTNOT		
9	DH	18	20251AT6043009	Kết cấu ô tô	CL	20				13-18	409-A10	1/12																		Nguyễn Thành Vinh	TTTTNOT		
10	DH	18	20251AT6043010	Kết cấu ô tô	CL	22										1-6	404-A10	12/15												Chu Đức Hùng	TTTTNOT		
11	DH	18	20251AT6043011	Kết cấu ô tô	CL	20										7-12	404-A10	12/15												Chu Đức Hùng	TTTTNOT		
12	DH	18	20251AT6043012	Kết cấu ô tô	CL	22										13-18	404-A10	12/15												Ngô Quang Tào	TTTTNOT		
13	DH	18	20251AT6043013	Kết cấu ô tô	CL	21													1-6	408-A10	Dec-15									Lê Đình Mạnh	TTTTNOT		
14	DH	18	20251AT6043014	Kết cấu ô tô	CL	21													7-12	408-A10	Dec-15									Lê Đình Mạnh	TTTTNOT		
15	DH	18	20251AT6043015	Kết cấu ô tô	CL	20													13-18	408-A10	Dec-15									Chu Đức Hùng	TTTTNOT		
16	DH	18	20251AT6043016	Kết cấu ô tô	CL	20																1-6	409-A10	####						Đoàn Công Thành	TTTTNOT		
17	DH	18	20251AT6043017	Kết cấu ô tô	CL	20																7-12	409-A10	####						Đoàn Công Thành	TTTTNOT		
18	DH	18	20251AT6043 TA001	Automotive Chassis Engineering	CL	28							7-12	408-A10	1/12															Nguyễn Xuân Khoa	TTTTNOT		
19	DH	17	20251AT6057 TA001	Electrical Automotive Diagnostic and Repair Engineering	CL	14							1-6	403-A10	1/12															Lê Hữu Chức	TTTTNOT		
20	DH	17	20251AT6052 TA001	Automotive Diagnostic and Repair	CL	14										1-6	409-A10	12/15												Nguyễn Xuân Khoa	TTTTNOT		
21	DH	17	20251AT6052001	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22				1-6	404-A10	Dec-15							1-6	404-A10										Ngô Quang Tào	TTTTNOT		
22	DH	17	20251AT6052002	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22							1-6	404-A10	1/12															Chu Đức Hùng	TTTTNOT		
23	DH	17	20251AT6052003	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	23										1-6	408-A10	12/15												Nguyễn Xuân Tuấn	TTTTNOT		
24	DH	17	20251AT6052004	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22													1-6	409-A10	1/12									Bùi Văn Hải	TTTTNOT		
25	DH	17	20251AT6052005	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22																1-6	408-A10	Jan-15						Nguyễn Thành Vinh	TTTTNOT		
26	DH	17	20251AT6052006	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22	7-12	409-A10	1/12																					Lê Đình Mạnh	TTTTNOT		
27	DH	17	20251AT6052007	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22				7-12	404-A10	Dec-15							7-12	404-A10										Ngô Quang Tào	TTTTNOT		
28	DH	17	20251AT6052008	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22							7-12	404-A10	1/12																Chu Đức Hùng	TTTTNOT	
29	DH	17	20251AT6052009	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22										7-12	408-A10	12/15													Trịnh Đức Phong	TTTTNOT	
30	DH	17	20251AT6052013	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22				13-18	404-A10	Dec-15																			Lê Duy Long	TTTTNOT	
31	DH	17	20251AT6052014	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	22							13-18	404-A10	1/12																Lê Đình Mạnh	TTTTNOT	
32	DH	17	20251AT6052017	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa ô tô	CL	23																13-18	404-A10	####						Nguyễn Thế Anh	TTTTNOT		
33	DH	17	20251AT6057001	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện- điện tử ô tô	CL	23				1-6	418-A10	Dec-15																			Nguyễn Thành Bắc	TTTTNOT	
34	DH	17	20251AT6057003	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện- điện tử ô tô	CL	23				7-12	419-A10	Dec-15																			Nguyễn Minh Thắng	TTTTNOT	
35	DH	17	20251AT6057005	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện- điện tử ô tô	CL	22										1-6	403-A10	12/15													Ngô Quang Tào	TTTTNOT	
36	DH	17	20251AT6057007	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện- điện tử ô tô	CL	23				1-6	403-A10	Dec-15																			Nguyễn Xuân Khoa	TTTTNOT	
37	DH	17	20251AT6057009	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện- điện tử ô tô	CL	23										7-12	418-A10	12/15													Lê Hữu Chức	TTTTNOT	
38	DH	17	20251AT6057010	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện- điện tử ô tô	CL	23													7-12	418-A10	Dec-15										Chu Đức Hùng	TTTTNOT	
39	DH	17	20251AT6057011	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện- điện tử ô tô	CL	23	13-18	403-A10	1/12																						Nguyễn Thành Bắc	TTTTNOT	
40	DH	17	20251AT6057012	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện- điện tử ô tô	CL	23				13-18	418-A10	12/15																			Chu Đức Hùng	TTTTNOT	
41	DH	17	20251AT6057013	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện- điện tử ô tô	CL	23							13-18	418-A10	12/15																	Lê Đình Đạt	TTTTNOT
42	DH	17	20251AT6057015	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện- điện tử ô tô	CL	23										13-18	418-A10	12/15														Lê Đình Mạnh	TTTTNOT
43	DH	17	20251AT6057016	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện- điện tử ô tô	CL	23													13-18	419-A10	12/15										Nguyễn Thành Vinh	TTTTNOT	
44	DH	17	20251AT6057017	Kỹ thuật chẩn đoán và sửa chữa điện- điện tử ô tô	CL	23																13-18	403-A10	12/15							Nguyễn Trung Kiên	TTTTNOT	
45	DH	19	20251ME6024008	LTC	1	24							7,8,9,10,11,12	106A9	2/3																Hoàng Xuân Khoa	KTCS	
46	DH	19	20251ME6024017	LTC	3		4,5,6	501-A10	3/3																						Nguyễn Thị Thu Hương	KTCS	
47	DH	19	20251ME6024009	Lý thuyết cơ cấu	1	23	7,8,9,10,11,12	503-A10	1/3																						Nguyễn Thị Thu Hương	KTCS	
48	DH	19	20251ME6024003	LTC	2	24	1,2,3,4,5,6	106-A9	1/3																						Nguyễn Hồng Tiến	KTCS	
49	DH	19	20251ME6024003	LTC	2	24	7,8,9,10,11,12	501-A10	2/3																						Nguyễn Hồng Tiến	KTCS	
50	DH	19	20251ME6024003	LTC	2	24				1,2,3	501-A10	3/3																			Nguyễn Hồng Tiến	KTCS	
51	DH	19	20251ME6024004	LTC	2	24				4,5,6	501-A10	1/3																			Nguyễn Hồng Tiến	KTCS	
52	DH	19	20251ME6024004	LTC	2	24				7,8,9,10,11,12	106-A9	2/3																			Nguyễn Hồng Tiến	KTCS	
53	DH	19	20251ME6024004	LTC	2	24							1,2,3,4,5,6	501-A10	03-Mar																Nguyễn Hồng Tiến	KTCS	
54	DH	19	20251ME6024005	LTC	2	24							7,8,9,10,11,12	501-A10	1/3																Nguyễn Hồng Tiến	KTCS	
55	DH	19	20251ME6024005	LTC	2	24													1,2,3,4,5,6	106-A9	2/3										Nguyễn Hồng Tiến	KTCS	

[illegible]

